

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



CTY CP CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 04 NĂM 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KỲ TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218,933,694,083	252,855,930,041
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	139,520,497,552	197,671,943,817
Tiền	111		29,520,497,552	27,595,505,461
Các khoản tương đương tiền	112		110,000,000,000	170,076,438,356
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,000,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		10,000,000,000	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		25,165,693,988	10,820,914,167
Phải thu khách hàng	131	V.3	27,060,328,310	14,393,049,862
Trả trước cho người bán	132	V.4	79,394,993	1,382,390,593
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	V.6	2,962,970,685	1,412,372,711
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(4,937,000,000)	(6,366,893,999)
Hàng tồn kho	140		32,540,022,404	34,616,005,480
Hàng tồn kho	141	V.8	32,540,022,404	34,616,005,480
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		11,707,480,139	9,747,066,577
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.10	-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.11	11,012,610,246	9,130,658,779
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	694,869,893	616,407,798

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129,132,227,577	128,120,681,433
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		101,841,349,864	99,372,738,527
Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	65,674,606,991	63,509,402,815
Nguyên giá	222	V.14	127,112,967,614	125,988,142,059
Giá trị hao mòn lũy kế	223	V.14	(61,438,360,623)	(62,478,739,244)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	36,166,742,873	35,863,335,712
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		26,811,175,704	26,811,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		479,702,009	1,936,767,202
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	479,702,009	1,436,767,202
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	500,000,000
Tài sản dài hạn khác	268	V.19	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		348,065,921,660	380,976,611,474



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		31,848,800,986	50,369,474,141
Nợ ngắn hạn	310		31,848,800,986	48,369,474,141
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	247,426,902	247,426,902
Phải trả cho người bán	312	V.21	3,828,597,534	3,077,907,072
Người mua trả tiền trước	313	V.22	632,600,000	12,602,600,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.23	2,199,448,190	1,228,016,762
Phải trả công nhân viên	315	V.24	6,922,027,999	15,762,013,359
Chi phí phải trả	316	V.25	12,422,842,004	10,306,734,004
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.26	2,054,639,070	2,332,868,365
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	V.28	3,541,219,287	2,811,907,677
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		-	2,000,000,000
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	-	2,000,000,000
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		316,217,120,674	330,607,137,333
Vốn chủ sở hữu	410		316,217,120,674	330,607,137,333
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	192,500,000,000	192,500,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	V.30	65,243,925,382	49,492,432,100
Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	12,531,062,057	9,531,062,057
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.30	45,942,133,235	79,083,643,176
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		348,065,921,660	380,976,611,474

10926
CÔNG TY
HÀNG
CAO SU
THỐNG NHẤT
191A

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thuyết
minh

31/12/2013

01/01/2013

Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	42,199,775	42,699,775
Ngoại tệ các loại		
- USD	2,508.55	2,505.98
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 17 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	Quý 04		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	46,044,995,719	26,884,674,158	142,047,640,067	191,088,339,411
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10		46,044,995,719	26,884,674,158	142,047,640,067	191,088,339,411
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42,549,227,207	23,934,617,338	125,825,475,120	135,394,156,425
Lợi nhuận gộp	20		3,495,768,512	2,950,056,820	16,222,164,947	55,694,182,986
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,099,274,510	7,080,710,613	15,419,843,970	20,201,167,760
Chi phí tài chính	22	VI.4		172,130,453		172,130,453
Trong đó: chi phí lãi vay	23					
Chi phí bán hàng	24	VI.5	113,095,648	116,459,978	242,398,883	249,485,773
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,743,685,829	3,037,415,875	6,648,362,397	12,060,130,735
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		3,738,261,545	6,704,761,127	24,751,247,637	63,413,603,785
Thu nhập khác	31	VI.7	203,121,000	1,904,664,163	34,120,681,347	30,385,531,425
Chi phí khác	32	VI.8	360,018,034	691,162,045	18,446,622,822	13,260,773,037
Lợi nhuận khác	40		(156,897,034)	1,213,502,118	15,674,058,525	17,124,758,388
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,581,364,511	7,918,263,245	40,425,306,162	80,538,362,173
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		348,364,184	1,192,576,832	5,715,322,821	9,777,061,932
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		500,000,000	(500,000,000)	500,000,000	(500,000,000)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,733,000,327	7,225,686,413	34,209,983,341	71,261,300,241
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		142	375	1,777	3,702

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG

Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		40,425,306,162	80,538,362,173
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	VIII.1	7,336,997,242	8,208,220,090
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(1,429,898,999)	1,694,898,999
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VIII.2	(25,556,740,933)	(35,476,521,046)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động thanh lý tài sản	05	VIII.2	-	-
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		20,775,663,472	54,964,960,216
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(14,457,474,384)	(926,249,158)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		2,075,983,076	15,082,996,027
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(21,860,631,751)	11,978,678,932
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		957,065,193	598,085,577
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,846,815,435)	(7,954,117,011)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	5,000,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8,739,359,000)	(9,600,682,689)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26,095,568,829)	64,148,671,894
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	VIII.3	(15,796,991,478)	(12,151,246,785)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		15,639,450,472	24,287,713,485
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,000,000,000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15,877,343,970	19,743,667,760
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5,719,802,964	31,880,134,460
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37,775,680,400)	(38,452,742,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37,775,680,400)	(38,452,742,500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(58,151,446,265)	57,576,063,854
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		197,671,943,817	140,095,879,963
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		139,520,497,552	197,671,943,817

2013
CÔNG
CỔ
CAO
SU
THỐNG
NHẤT



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 01 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần, Nhà nước nắm cổ phần chi phối
- Lĩnh vực kinh doanh** : Nông nghiệp & công nghiệp chế biến
- Ngành nghề kinh doanh** : Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

II. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

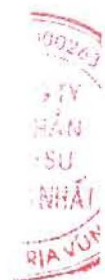
- Kỳ tài chính**
Kỳ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định của Bộ Tài chính số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 & Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 V/v Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp;
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán Sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập báo cáo tài chính**
 - Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
 - Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc: | 5 – 20 năm |
| - Máy móc thiết bị: | 4 – 15 năm |
| - Phương tiện vận tải: | 6 – 10 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý: | 3 – 8 năm |
| - Vườn cây cao su: | 6 – 20 năm |

6. Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

7. Tài sản cố định vô hình

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ

9. Đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Là dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

- Các khoản chi phí khác như mua CCDC, sửa chữa nâng cấp nhà xưởng ... không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tối đa 3 năm.

12. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

- Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

- Trích trước tiền thuê đất phải trả được tạm tính dựa vào khung giá đất của UBND tỉnh ban hành. Khi hoàn tất thủ tục cho thuê đất, công ty tiến hành quyết toán tiền thuê đất với cơ quan thuế. Nếu tiền thuê đất thực tế cao hơn so với chi phí trích trước thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ hoặc một phần bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu tiền thuê đất thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

13. Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu;

16. Cổ tức

- Cổ tức được trả cho cổ đông bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn trong kỳ cổ tức được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế

- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm 2006 và giảm 50% trong 08 năm tiếp theo kể từ năm 2009 đối với hoạt động sản xuất cao su theo khoản 7 - điều 36 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của chính phủ. Số thuế thu nhập miễn giảm được bổ sung Quỹ đầu tư phát triển.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý		Số đầu năm
Tiền mặt	1,232,057,079		1,292,452,459
Tiền gửi ngân hàng	28,288,440,473		26,303,053,002
Các khoản tương đương tiền	110,000,000,000		170,076,438,356
Tổng cộng	139,520,497,552		197,671,943,817

Chi tiết số dư tiền mặt phù hợp với số liệu Sổ quỹ tiền mặt tại văn phòng công ty và số quỹ của các đơn vị trực thuộc công ty vào ngày 31/12/2013 chi tiết như sau:

Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	686,387,933		686,387,933
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	4,416,133		4,416,133
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2 (XDCCB)	13,366,515		13,366,515
Tại quỹ NTCS Phong Phú	3,538,590		3,538,590
Tại quỹ NTCS Phong Phú (XDCCB)	-		-
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	2,652,900		2,652,900
Tại quỹ Nhà máy SCCS Phong Phú	1,603,757		1,603,757
Tại quỹ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	382,556,942		382,556,942
Tại quỹ Nhà máy CBTAGS Hưng Long	115,869,176		115,869,176
Tại quỹ Xí nghiệp XD&CBG XK Phước Trung	21,665,133		21,665,133
Tổng cộng	1,232,057,079	-	1,232,057,079

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng phù hợp với số liệu ghi sổ kế toán và Giấy báo số dư của các ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Tiền gửi VND	Tiền gửi ngoại tệ	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT T.p Vũng tàu	2,303,307,046	52,867,691	2,356,174,737
Sacombank - PGD Bà Rịa	59,635,776		59,635,776
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	3,757,803,240		3,757,803,240
Maritime Bank - PGD Bà Rịa	21,113,602,615		21,113,602,615
VietinBank - PGD Bà Rịa	1,001,224,105		1,001,224,105
Tổng cộng	28,235,572,782	52,867,691	28,288,440,473

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền hàng phù hợp với số liệu ghi sổ kế toán và Giấy báo số dư của các ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi tiết như sau:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	110,000,000,000	170,076,438,356
Tổng cộng	110,000,000,000	170,076,438,356

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng	10,000,000,000	
Đầu tư khác		
Tổng cộng	10,000,000,000	

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
DNTN Phát Hưng	4,219,180,000	4,219,180,549
Công ty SX-TM-DV Đồng Nai	290,777,760	279,847,050
Châu Thị Hồng Điệp	24,140,340	19,552,890
Công ty CP Tài Nguyên - Á Châu	3,514,705,700	
Công ty Cổ phần Long Sơn	11,249,880,690	1,342,530,121
DNTN TM Tuyết Sơn	357,131,200	317,504,725
Công ty TNHH Thành Lợi	3,812,711,166	4,084,799,543
Công ty CP XD Đức Tuấn		98,467,900
Nguyễn Thị Anh Thư		3,630,000
Công ty TNHH Phi Thiên	162,844,000	
Nhà máy CBTAGS Hưng Long phải thu của khách hàng	3,428,957,454	4,027,537,084
Tổng cộng	27,060,328,310	14,393,049,862

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty CP TV Đầu tư Xây dựng Tổng hợp tỉnh BRVT	30,000,000	30,000,000
Công ty TNHH XD-TM-SX Đồng Vĩnh Tiến	32,994,893	32,994,893
DNTN Phát Hưng		1,117,820,000
Công ty CP PTCN & DV Sáng Tạo		120,000,000
Công ty TNHH SX-TM-DV Hoàn Kim Châu		14,625,600
Võ Hồng Hạnh	5,379,600	10,379,600
La Văn Phước	4,933,000	5,283,000
Nguyễn Thành Sang	6,087,500	6,087,500
Võ Thị Mướt		45,200,000
Tổng cộng	79,394,993	1,382,390,593

5. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
DNTN Phát Hưng	717,820,000	
Phải thu phụ cấp HĐQT & BKS	303,000,000	256,000,000
Lãi dự thu	664,000,000	457,500,000
Nộp thừa Bảo hiểm xã hội	500,810,815	58,666,160
Phải thu thuế TNCN của người lao động	312,524,700	195,272,203
Phải thu bảo hiểm của người lao động	457,815,170	435,004,348
Thuế GTGT chưa được khấu trừ		2,930,000
Phải thu khác	7,000,000	7,000,000
Tổng cộng	2,962,970,685	1,412,372,711

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối quý	Số đầu năm
DNTN Phát Hưng	(4,937,000,000)	(5,317,000,549)
Công ty TNHH Chăn Nuôi An Thịnh		(1,049,898,450)
Tổng cộng	(4,937,000,000)	(6,366,898,999)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2,770,918,852	3,027,652,161
Công cụ, dụng cụ	585,438,559	554,069,888
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	141,601,806	-
Thành phẩm	29,039,833,187	31,032,053,431
Hàng hóa	2,230,000	2,230,000
Tổng cộng	32,540,022,404	34,616,005,480
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	
Giá trị thuần có thể thực hiện được	32,540,022,404	34,616,005,480

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất nông nghiệp	-	1,956,403,180	1,956,403,180	-
Chi phí khấu hao cơ bản	-	7,262,007,980	7,262,007,980	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế & bảo hiểm thất nghiệp	-	4,557,440,704	4,557,440,704	-
Chi phí thanh lý vườn cây cao su		12,193,280,000	12,193,280,000	-
Chi phí khác (xuất kho NVL, CCDC, phân bổ chi phí dài hạn, chi phí khác bằng tiền ...)	-	12,761,527,482	12,761,527,482	-
Tổng cộng	-	38,730,659,346	38,730,659,346	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Thuế GTGT được khấu trừ**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ		
Cộng		

11. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân		174,035,325
Thuế tài nguyên	4,531,020	8,438,340
Tiền thuế đất nông nghiệp	11,008,079,226	8,948,185,114
Tổng cộng	11,012,610,246	9,130,658,779

12. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Các khoản tạm ứng nhân viên	214,869,893	131,407,798
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	480,000,000	485,000,000
Tổng cộng	694,869,893	616,407,798

13. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

14. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây Cao su	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	37,227,411,484	21,263,733,477	3,873,672,957	1,618,236,680	62,005,087,461	125,988,142,059
Tăng trong kỳ	419,809,993	105,180,000	52,590,000	-	14,916,004,324	15,493,584,317
<i>Mua sắm mới</i>	<i>419,809,993</i>	<i>105,180,000</i>	<i>52,590,000</i>		<i>14,916,004,324</i>	<i>15,493,584,317</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>						-
Giảm trong kỳ	304,197,842	271,001,618	273,159,450	526,214,360	12,994,185,492	14,368,758,762
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>304,197,842</i>	<i>271,001,618</i>	<i>273,159,450</i>	<i>526,214,360</i>	<i>12,994,185,492</i>	<i>14,368,758,762</i>
<i>Giảm khác</i>						-
Số cuối kỳ	37,343,023,635	21,097,911,859	3,653,103,507	1,092,022,320	63,926,906,293	127,112,967,614
Đã khấu Hao hết						24.466.296.975
Giá trị hao mòn						-
Số đầu năm	24,054,582,313	9,340,604,401	3,460,521,551	1,425,051,714	24,197,979,265	62,478,739,244
Tăng trong kỳ	2,203,930,086	2,133,316,043	178,582,475	46,631,158	2,805,866,870	7,368,326,632
<i>Khấu hao</i>	<i>2,203,930,086</i>	<i>2,133,316,043</i>	<i>178,582,475</i>	<i>46,631,158</i>	<i>2,805,866,870</i>	<i>7,368,326,632</i>
<i>Tăng khác</i>						-
Giảm trong kỳ	280,054,495	211,825,011	245,551,699	454,226,084	7,217,047,964	8,408,705,253
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>280,054,495</i>	<i>211,825,011</i>	<i>245,551,699</i>	<i>454,226,084</i>	<i>7,217,047,964</i>	<i>8,408,705,253</i>
<i>Giảm khác</i>						-
Số cuối kỳ	25,978,457,904	11,262,095,433	3,393,552,327	1,017,456,788	19,786,798,171	61,438,360,623
Giá trị còn lại						-
Số đầu năm	13,172,829,171	11,923,129,076	413,151,406	193,184,966	37,807,108,196	63,509,402,815
Số cuối kỳ	11,364,565,731	9,835,816,426	259,551,180	74,565,532	44,140,108,122	65,674,606,991
Tạm thời chưa sử dụng						
Chờ thanh lý						

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Giá trị hao mòn				
Giá trị còn lại				

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vườn cây cao su tại NTCS Phong phú	9,251,058,868	9,021,463,090
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình 2	25,655,939,946	26,841,872,622
Kho thành phẩm Nhà máy CBMCS Phong Phú	1,019,744,059	
Phần mềm Quản lý vườn cây	240,000,000	
Tổng cộng	36,166,742,873	35,863,335,712

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu		
Đầu tư trái phiếu		
Góp vốn vào Cảng Baria-Secere (chiếm 12% vốn pháp định)	26,811,175,704	26,811,175,704
Cộng	26,811,175,704	26,811,175,704

18. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối kỳ
Chi phí (chi phí đo đạc, công cụ dụng cụ, chi phí khác bằng tiền ...)	1,436,767,202	285,557,800	1,242,622,993	479,702,009
Tổng cộng	1,436,767,202	285,557,800	1,242,622,993	479,702,009

19. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		500,000,000
Tổng cộng		500,000,000

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công nợ thâm canh cà phê	247,426,902	247,426,902
Cộng	247,426,902	247,426,902

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Phải trả cho người bán**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyễn Thành Trung	31,740,000	31,740,000
Công ty CP Tư vấn đầu tư & TKXD Minh Phương		41,659,200
Châu Thị Thái	52,500,000	
Công ty TNHH XD Xuân Thọ	796,048,900	
Công ty CP TVTK & ĐTXD Hưng Việt	29,143,616	
Công nợ phải trả - Nhà máy CBTAGS Hưng Long	2,919,165,018	2,878,089,178
Công nợ phải trả - Xí nghiệp CBNS Phước Hưng		126,418,694
Tổng cộng	3,828,597,534	3,077,907,072

22. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632,600,000	632,600,000
Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh		11,970,000,000
Tổng cộng	632,600,000	12,602,600,000

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	852,224,909	792,528,312
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,303,995,836	435,488,450
Thuế thu nhập cá nhân	43,227,445	
Tổng cộng	2,199,448,190	1,228,016,762

24. Phải trả người lao động

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền lương phải trả cho người lao động	6,922,027,999	15,762,013,359
Tổng cộng	6,922,027,999	15,762,013,359

25. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền ăn giữa ca	194,790,000	236,742,000
- NTCS Phong Phú	43,965,000	48,345,000
- NTCS Hòa Bình	130,785,000	166,812,000
- Nhà máy SCCS Bàu Non	14,070,000	14,655,000
- Nhà máy SCCS Phong Phú	5,970,000	6,930,000
Chi phí thuê đất	11,673,052,004	10,009,992,004
- NTCS Hòa Bình 2	10,028,321,000	8,365,261,000
- NTCS Phong Phú	1,644,731,004	1,644,731,004
Tiền thuê xe	480,000,000	
Chi phí kiểm toán BCTC 06 tháng	60,000,000	60,000,000
Chi phí điện nước tại Xí nghiệp gỗ	15,000,000	
Tổng cộng	12,422,842,004	10,306,734,004

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**26. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	314,294,410	356,732,384
Ký quỹ thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình	453,063,008	374,130,959
Tiền trợ cấp ốm đau, thai sản	66,974,482	45,698,041
Phải nộp về công ty - NTCS Hòa Bình	180,464	
Phải nộp về công ty - XDCB NTCS Hòa Bình	17,913,462	9,917,800
Phải nộp về công ty - NTCS Phong Phú	7,112,826	
Phải nộp về công ty - Xí nghiệp Phước Trung		58,353,384
Xí nghiệp Phước Trung phải trả Võ Thị Thanh		360,000,000
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1,149,647,268	1,102,918,268
Bảo hiểm người lao động	45,453,150	23,117,529
Phải trả khác		2,000,000
Tổng cộng	2,054,639,070	2,332,868,365

27. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
Tổng cộng		

28. Quỹ khen thưởng Phúc lợi

	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2,671,615,016	6,000,000,000	5,354,300,000	3,317,315,016
Quỹ phúc lợi	39,871,980	3,000,000,000	2,885,059,000	154,812,980
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	100,420,681		31,329,390	69,091,291
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-	500,000,000	500,000,000	-
Tổng cộng	2,811,907,677	9,500,000,000	8,770,688,390	3,541,219,287

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Số cuối quý	Số năm trước
Số đầu năm	2,000,000,000	608,345,407
Số tăng trong kỳ	-	2,199,385,000
Số giảm trong kỳ	2,000,000,000	807,730,407
Số cuối kỳ	-	2,000,000,000

30. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối quý	Số năm trước
Số đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ	2,000,000,000	-
Số giảm trong kỳ	2,000,000,000	-
Số cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

31. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước					
Số dư 01/01/2012	192,500,000,000	34,062,793,529	6,465,933,208	75,462,496,901	308,491,223,638
Lợi nhuận trong kỳ				71,261,300,241	71,261,300,241
Phụ cấp HĐQT & BKS				(500,000,000)	(500,000,000)
Trích lập các quỹ năm 2011		16,379,638,571	3,065,128,849	(19,444,767,420)	-
Chi cổ tức năm 2011				(38,500,000,000)	(38,500,000,000)
Trích lập quỹ khen thưởng				(6,130,257,697)	(6,130,257,697)
Trích lập quỹ phúc lợi				(3,065,128,849)	(3,065,128,849)
Trích lập quỹ thưởng HĐQT & Ban Giám đốc năm 2010 & 2011		(950,000,000)			(950,000,000)
Số dư 31/12/2012	192,500,000,000	49,492,432,100	9,531,062,057	79,083,643,176	330,607,137,333
					-
Năm nay					-
Số dư 01/01/2013	192,500,000,000	49,492,432,100	9,531,062,057	79,083,643,176	330,607,137,333
Lợi nhuận trong kỳ				34,209,983,341	34,209,983,341
Phụ cấp HĐQT & BKS				(600,000,000)	(600,000,000)
Trích lập các quỹ năm 2012		16,251,493,282	3,000,000,000	(19,251,493,282)	-
Chi cổ tức năm 2012				(38,500,000,000)	(38,500,000,000)
Trích lập quỹ khen thưởng				(6,000,000,000)	(6,000,000,000)
Trích lập quỹ phúc lợi				(3,000,000,000)	(3,000,000,000)
Trích lập quỹ thưởng HĐQT & Ban Giám đốc năm 2012		(500,000,000)			(500,000,000)
Số dư 31/12/2013	192,500,000,000	65,243,925,382	12,531,062,057	45,942,133,235	316,217,120,674

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số năm trước
Vốn đầu tư của Nhà nước (51%VĐL)	98.175.000.000	98.175.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác (49% VĐL)	94.325.000.000	94.325.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cộng	192.500.000.000	192.500.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối quý	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	192.500.000.000	192.500.000.000
Vốn góp đầu năm	0	0
Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
Vốn góp cuối kỳ	192.500.000.000	192.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu thường	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Cổ phiếu thường	0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu thường	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng		

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để: Bổ sung vốn điều lệ của Công ty. Trước khi có Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung vốn điều lệ, Công ty tạm thời sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quỹ khen thưởng được dùng để: Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác mỗi cán bộ, công nhân viên trong công ty; Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong công ty; Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài công ty có đóng góp cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty
- Quỹ phúc lợi được dùng để: Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi trong công ty; Chi cho hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên công ty, phúc lợi xã hội; trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, viếng ma chay hoặc làm công tác từ thiện, tham quan du lịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOAN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 04/2013**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 04 năm nay	Quý 04 năm trước
1 Tổng doanh thu	46,044,995,719	26,884,674,158
Doanh thu bán mủ cao su	10,876,434,000	11,406,560,000
Doanh thu bán thức ăn gia súc	3,687,863,824	6,515,911,157
Doanh thu bán điều nhân, điều thô & gia công điều	29,767,067,885	3,524,697,001
Doanh thu gia công mủ	806,395,400	784,046,000
Doanh thu sản xuất và gia công đồ gỗ	907,234,610	4,653,460,000
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	46,044,995,719	26,884,674,158

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 04 năm nay	Quý 04 năm trước
Giá vốn bán mủ cao su	8,531,680,204	7,426,454,326
Giá vốn bán thức ăn gia súc	3,983,805,461	6,662,683,609
Giá vốn chi phí gia công mủ cao su	787,362,317	748,098,787
Giá vốn bán điều & chi phí gia công điều nhân	27,555,664,939	4,510,582,913
Giá vốn bán sản phẩm gỗ & chi phí gia công sản phẩm gỗ	1,690,714,286	4,586,797,703
Tổng cộng	42,549,227,207	23,934,617,338
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho		
Tổng cộng	42,549,227,207	23,934,617,338

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 04 năm nay	Quý 04 năm trước
Lãi tiền gửi	2,099,274,510	3,568,907,337
Lợi nhuận góp vốn liên doanh		3,511,803,276
Tổng cộng	2,099,274,510	7,080,710,613

4. Chi phí tài chính

	Quý 04 năm nay	Quý 04 năm trước
Chi phí lãi vay		
Chi phí góp vốn liên doanh		172,130,453
Tổng cộng	-	172,130,453

5. Chi phí bán hàng

	Quý 04 năm nay	Quý 04 năm trước
Chi phí tiêu thụ điều nhân	19,000,973	6,777,773
Chi phí tiêu thụ thức ăn gia súc	94,094,675	109,682,205
Tổng cộng	113,095,648	116,459,978

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 04 năm nay	Quý 04 năm trước
Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	3,022,670,951	521,291,439
Khấu hao tài sản cố định	60,305,055	67,366,233
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12,701,036	58,477,357
Chi phí trả trợ cấp thôi việc	220,500,000	
Chi phí khác bằng tiền	398,008,787	610,280,846
Chi phí thuê xe	120,000,000	240,000,000
Chi phí kiểm toán	60,000,000	60,000,000
Dự phòng nợ dài hạn	(2,000,000,000)	2,000,000,000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(150,500,000)	(520,000,000)
Tổng cộng	1,743,685,829	3,037,415,875

7. Thu nhập khác

	Quý 04 năm nay	Quý 04 năm trước
Thu từ bán cây cao su gãy đổ	54,690,000	107,490,000
Thu từ bán tận thu phế phẩm mủ	31,350,000	9,600,000
Hoàn nhập chi phí trích trước		525,571,842
Thu từ bán vỏ điều & phí phơi điều	117,081,000	1,067,477,860
Thu khác		194,524,461
Tổng cộng	203,121,000	1,904,664,163

8. Chi phí khác

	Quý 04 năm nay	Quý 04 năm trước
Chi phí thanh lý, giá trị còn lại	150,048,563	408,222,999
Khấu hao không liên quan đến doanh thu	18,747,314	18,798,819
Phí phơi điều	117,081,000	263,500,920
Chi phí khác	74,141,157	639,307
Tổng cộng	360,018,034	691,162,045

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	142,047,640,067	191,088,339,411
Doanh thu bán mủ cao su	64,115,274,000	131,554,830,000
Doanh thu bán thức ăn gia súc & nguyên liệu	18,064,814,815	22,410,792,127
Doanh thu bán điều nhân & gia công điều	46,787,775,022	23,727,309,940
Doanh thu bán sản phẩm từ gỗ & gia công gỗ	11,479,175,230	11,763,908,000
Doanh thu gia công mủ cao su	1,600,601,000	1,631,499,344
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	142,047,640,067	191,088,339,411

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mủ cao su	50,313,149,441	75,629,917,161
Giá vốn bán thức ăn gia súc	18,286,624,544	22,483,281,087
Giá vốn bán điều nhân & gia công điều	44,402,833,648	24,463,760,948
Giá vốn bán sản phẩm từ gỗ & chi phí gia công gỗ	11,260,672,811	11,245,819,866
Giá vốn chi phí gia công mủ	1,562,194,676	1,571,377,363
Tổng cộng	125,825,475,120	135,394,156,425
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho		
Tổng cộng	125,825,475,120	135,394,156,425

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	10,612,157,172	16,689,364,484
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4,807,686,798	3,511,803,276
Tổng cộng	15,419,843,970	20,201,167,760

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí góp vốn liên doanh		172,130,453
Tổng cộng	-	172,130,453

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán mủ cao su	29,337,960	44,630,400
Chi phí bán thức ăn gia súc	174,919,010	182,382,125
Chi phí bốc xếp điều nhân gia công	37,327,913	22,473,248
Chi phí tiếp khách tiêu thụ gỗ	814,000	
Tổng cộng	242,398,883	249,485,773

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản trích theo lương	6,432,595,327	4,956,422,273
Khấu hao tài sản cố định	253,647,884	257,152,505
Phân bổ chi phí trả trước	56,513,346	222,742,163
Dự phòng nợ dài hạn	(2,000,000,000)	2,000,000,000
Chi phí trợ cấp mất việc làm	932,781,875	(4,940,592)
Thuế, phí và lệ phí	153,621,077	38,615,510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	600,000,000	960,000,000
Chi phí khác bằng tiền	1,649,601,887	1,932,240,426
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1,430,398,999)	1,697,898,450
Tổng cộng	6,648,362,397	12,060,130,735

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	33,609,868,000	27,148,587,940
Thu từ bán tận thu phế phẩm mủ	168,385,000	20,200,000
Thu từ phí phơi điều	322,928,347	2,189,144,560
Thu từ bán bầu cao su		85,745,455
Hoàn nhập chi phí trích trước		520,631,250
Thu khác	19,500,000	421,222,220
Tổng cộng	34,120,681,347	30,385,531,425

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý	17,970,417,528	11,873,234,654
Chi phí khấu hao	74,989,262	145,931,730
Giá vốn bầu cao su		54,000,000
Chi phí phơi điều	319,274,875	367,793,675
Chi phí xử lý công nợ		249,034,054
Chi phí khác	81,941,157	570,778,924
Tổng cộng	18,446,622,822	13,260,773,037

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40,425,306,162	80,538,362,173
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	168,930,419	857,047,321
- Các khoản điều chỉnh giảm	4,807,686,798	3,511,803,276
Tổng thu nhập chịu thuế	35,786,549,783	77,883,606,218
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính	8,946,637,446	19,470,901,555
Thuế thu nhập được miễn	2,731,314,625	10,193,839,623
- Theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP	2,731,314,625	7,761,070,708
- Theo Thông tư 140/2012/TT-BTC		2,432,768,915
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	500,000,000	(500,000,000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5,715,322,821	9,777,061,932

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	34,209,983,341	71,261,300,241
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	34,209,983,341	71,261,300,241
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19,250,000	19,250,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,777	3,702

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	7,336,997,242	8,208,220,090
Khấu hao tài sản cố định vô hình		
Tổng cộng	7,336,997,242	8,208,220,090

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	15,877,343,970	19,743,667,760
Lãi (lỗ) từ hoạt động thanh lý tài sản	9,679,396,963	15,275,353,286
Tổng cộng	25,556,740,933	35,019,021,046

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua sắm tài sản cố định hữu hình	15,796,991,478	12,151,246,785
Mua sắm tài sản cố định vô hình		
Tổng cộng	15,796,991,478	12,151,246,785

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm :

3- Thông tin về các bên liên quan:

Căn cứ tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch lũy kế đến 31/12/2013 (VNĐ)
Công ty TNHH Hưng Nhon	Cổ đông lớn (chiếm 5,19% vốn điều lệ)	Xuất bán cây cao su gây đổ, củi cao su thanh lý.	6,922,550,000
Châu Thị Hồng Điệp	Vợ CT.HĐQT kiêm TGD công ty.	Xuất chi phí gia công mũ cao su...	27,007,820
		Tổng cộng:	6,949,557,820

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch lũy kế đến 31/12/2013 (VNĐ)
Công ty TNHH Hưng Nhon	Cổ đông lớn (chiếm 5,19% vốn điều lệ)	Thuê gia công, tẩm sấy, cưa cắt, vận chuyển củi, gỗ cao su thanh lý.	13,412,608,000
Cơ sở phân hữu cơ vi sinh Long Khánh	Chủ cơ sở là Thành viên HĐQT	Mua phân bón lá	39,060,000
Công ty TNHH Lê Danh	Vợ CT.HĐQT kiêm TGD công ty là giám đốc	Mua dầu DO, nhớt.	2,059,594,000
		Tổng cộng:	15,511,262,000

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”(2):

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 4 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm: Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non và Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú: Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế, kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

- Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm;

- Xí nghiệp XD & CBG Xuất khẩu Phước Trung: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ; gia công sản phẩm gỗ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	CAO SU	NÔNG SẢN	THỨC ĂN CHĂN NUÔI	GỖ	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1, Doanh thu thuần	65,715,875,000	46,787,775,022	18,064,814,815	11,479,175,230	142,047,640,067
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
3. Khấu hao	6,024,897,800	441,471,150	870,628,292		7,336,997,242
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37,122,680,550	2,351,266,933	733,670,260	217,688,419	40,425,306,162
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					-
6. Tài sản bộ phận	320,674,032,634	14,399,317,393	8,994,086,146	3,998,485,487	348,065,921,660
7. Tài sản không phân bổ					-
Tổng Tài sản	320,674,032,634	14,399,317,393	8,994,086,146	3,998,485,487	348,065,921,660
8. Nợ phải trả bộ phận	28,626,641,144	37,994,824	2,919,165,018	15,000,000	31,598,800,986
9. Nợ phải trả không bộ phận					-
Tổng Nợ phải trả	28,626,641,144	37,994,824	2,919,165,018	15,000,000	31,598,800,986

Ghi chú: Cột 6: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất đã được Tổ Kiểm toán số 4, thuộc Đoàn Kiểm toán Nhà nước của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII lập ngày 14 tháng 01 năm 2014; Công ty CP Cao su Thống Nhất đã điều chỉnh số dư đầu kỳ Báo Cáo Tài Chính năm 2012 đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Kiểm toán nhà nước như sau:

KHOẢN MỤC TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH
- Các khoản phải thu khác	135	954.872.711	1.412.372.711	457.500.000
- Hàng tồn kho	141	33.963.480.374	34.616.005.480	652.525.106
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.056.545.815	1.228.016.762	171.470.947
- Lợi nhuận chưa phân phối	420	78.145.089.017	79.083.643.176	938.554.159

KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	Mã số	TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH
- Giá vốn hàng bán	11	136.046.681.531	135.394.156.425	(652.525.106)
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	19.743.667.760	20.201.167.760	457.500.000
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	79.428.337.067	80.538.362.173	1.110.025.106
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	9.605.590.985	9.777.061.932	171.470.947
- Lợi nhuận sau thuế	60	70.322.746.082	71.261.300.241	938.554.159*

6- Thông tin về hoạt động liên tục:

7- Những thông tin khác:

Căn cứ tại Điểm 3.2, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính “ Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình rõ nguyên nhân trong Báo cáo tài chính quý đó. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ thì phải giải trình rõ các nguyên nhân đó trong cả Báo cáo kết quả kinh doanh công ty mẹ và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất; trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân trong cả Báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn và Báo cáo tài chính tổng hợp”

Căn cứ quy định trên, Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất xin giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 04/2013 đạt 2.733.000.327 đồng giảm hơn so với quý 04/2012 là 4.492.686.086 đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm là 62,18%.

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Do doanh thu hoạt động tài chính giảm;
- Lợi nhuận từ thu nhập khác giảm;
- Do giá bán cao su giảm.

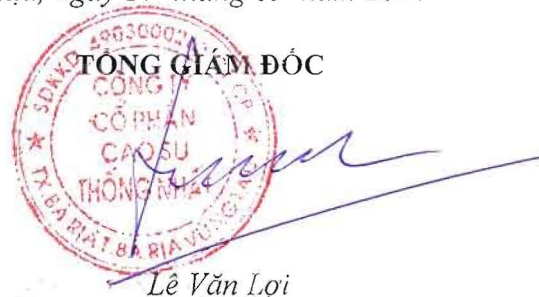
Bà Rịa, ngày 17 tháng 01 năm 2014

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Nhật Thành Lâm

Nguyễn Hữu Mạnh Nhường

Lê Văn Lợi